TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST Ngày 28-9-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Khắc Hồi;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị với anh Trần Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 người con

chung tên Trần Kiều M1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 và Trần Quốc H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009. Hiện các con đang sống chung với chị T. Anh chị không có tạo lập được tài sản chung cũng không có nợ chung.

Sau khi kết hôn, anh chị sống bên nhà chị T tại Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống, anh M thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình, từ đó phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân 02 năm nay.

Nay nhận thấy không thể hàn gắn và duy trì cuộc sống vợ chồng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kiều M1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 và Trần Quốc H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009. Chị T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn M là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do anh Trần Văn M vắng mặt tại tất cả các phiên họp. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Trương Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T. Tuyên xử chị T được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Kiều M1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 và Trần Quốc H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn hiện cư trú tại ấp Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa chị Trương Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Trần Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả chị T và anh M.

[2] Về mặt nội dung: Chị Trương Thị T và anh Trần Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 12 tháng 7 năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương là do anh M thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình. Đối với anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án. Điều này thể hiện anh M cũng không có mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T, bỏ mặc mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của của chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Em Trần Kiều M1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 và em Trần Quốc H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009 đều đã trên 07 tuổi và đang sống với chị T. Nguyện vọng của 02 em muốn sống với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của em M1 và em H phù hợp với yêu cầu của chị T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao em M1 và em H cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56, 57, 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Kiều M1, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2007 và Trần Quốc H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2009 cho chị Trương Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005397 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị T không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Khoa